TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61/2021/QĐST-HNGĐ	*Phú Vang, ngày 21 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Dương Văn T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh H

2. Bà Đoàn Thị Mộng T, sinh năm: 1995

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 27/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Phú Vang nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con đề ngày 26/04/2021, đối với người yêu cầu là bà Đoàn Thị Mộng T và ông Dương Văn T. Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T

- Về con chung: có 03 người con chung

+ Dương Quốc A, sinh ngày 20/11/2013

+ Dương Quốc K, sinh ngày 20/11/2015

+ Dương Quốc B, sinh ngày 30/7/2019

Yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà T, giao cháu Dương Quốc A cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Dương Quốc K và Dương Quốc B cho ông T chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 5 năm 2021, ông T và bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Mộng T và ông Dương Văn T đồng ý thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: có 03 người con chung

+ Dương Quốc A, sinh ngày 20/11/2013

+ Dương Quốc K, sinh ngày 20/11/2015

+ Dương Quốc B, sinh ngày 30/7/2019

Hai bên thỏa thuận giao cháu Dương Quốc A cho bà Đoàn Thị Mộng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Dương Quốc K và Dương Quốc B cho Dương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận ông T chịu 150.000 đồng, bà T chịu 150.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Đoàn Thị Mộng T và ông Dương Văn T

- Về con chung: có 03 người con chung:

+ Dương Quốc A, sinh ngày 20/11/2013

+ Dương Quốc K, sinh ngày 20/11/2015

+ Dương Quốc B, sinh ngày 30/7/2019

Hai bên thỏa thuận giao cháu Dương Quốc A, sinh ngày 20/11/2013 cho bà Đoàn Thị Mộng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Dương Quốc K, sinh ngày 20/11/2015 và Dương Quốc B, sinh ngày 30/7/2019 cho ông Dương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K, cháu B trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận ông T chịu 150.000 đồng, bà T chịu 150.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2013/009345 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- UBND xã P;
(ĐK ngày 16/5/2013);
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS Phú Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Võ Sơn